

DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Đối với các hoạt động trading có thể tham khảo tại vùng hỗ trợ quanh đường MA50 của VN-Index tương ứng vùng 1260-1270 điểm, ưu tiên các vị thế có sẵn và các nhóm ngành có KQKD quý 3 tích cực như bán lẻ, hàng tiêu dùng, phân bón, xuất khẩu, khu công nghiệp,...
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

BID	MUA ↑ 10,31% VND53.500
------------	---

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall sụt điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (7/10), khi giá dầu và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ đồng loạt tăng cao gây áp lực lên tâm lý nhà đầu tư.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index ghi nhận phiên giằng co rung lắc thể hiện tâm lý thận trọng vẫn hiện hữu khi thị trường trở về vùng hỗ trợ 1.265 điểm. Điểm tích cực là xu hướng ngắn hạn của nhóm Tài chính vẫn đang trong xu hướng tăng cho nên dòng tiền có thể sẽ tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu này. Đối với các hoạt động trading có thể tham khảo tại vùng hỗ trợ quanh đường MA50 của VN-Index tương ứng vùng 1260-1270 điểm, ưu tiên các vị thế có sẵn và các nhóm ngành có KQKD quý 3 tích cực.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	41.954,24	-0,94	11,32
S&P 500	5.695,94	-0,96	19,42
Nasdaq	17.923,90	-1,18	19,40
VIX	22,64	17,86	81,85
DAX	19.104,10	-0,09	14,04
FTSE 100	8.303,62	0,28	7,38
CAC40	7.576,02	0,46	0,44
Hang Seng	22.849,23	-1,08	34,03

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	48,27	NEUTRAL
MACD (12,26)	4,69	BUY
ADX (14)	14,13	NEUTRAL
SMA5	1.279,73	SELL
SMA20	1.271,25	SELL
SMA50	1.259,32	BUY
SMA100	1.266,23	BUY
SMA200	1.237,84	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng 4 điểm cơ bản, đạt 4,02%. Đây là lần đầu tiên lợi suất của kỳ hạn này vượt 4% kể từ ngày 8/8.
- Tuần này, những thông tin kinh tế Mỹ quan trọng dự kiến được công bố bao gồm biên bản cuộc họp tháng 9 của Fed dự kiến công bố vào ngày thứ Ba, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 công bố vào ngày thứ Năm, chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) vào ngày thứ Sáu. Mùa báo cáo tài chính quý 2 cũng đang khởi động, với kết quả từ một số cái tên lớn như Delta Air Lines và JPMorgan Chase cũng sẽ được công bố trong tuần.
- Giá dầu tăng do căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục nóng, còn lợi suất đi lên do thị trường không còn đặt cược vào mức giảm lãi suất lớn trong cuộc họp tháng 11 của Fed.
- Đồng yen giảm nhẹ xuống mức 149,10 yen đổi 1 USD, mức thấp nhất kể từ ngày 16/8, trong bối cảnh đồng USD kéo dài đà tăng nhờ số liệu việc làm mạnh mẽ của Mỹ và xung đột ở Trung Đông leo thang.
- Sáng 7/10, Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2024 trực tuyến với 63 địa phương. Nhấn mạnh tại phiên họp này, Thủ tướng yêu cầu đạt tốc độ tăng trưởng quý IV từ 7,5 - 8%, cả năm 2024 khoảng trên 7% và chỉ rõ 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, cấp thiết thời gian tới.
- **FRT:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) công bố danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ (margin) quý IV/2024. Trong đó, cổ phiếu Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đã ra khỏi danh sách này.
- **CTD:** Cuối tháng 9, CTCP Xây dựng Coteccons đã công bố báo cáo tài chính kiểm toán niên độ tài chính 2023-2024 (từ đầu tháng 7 năm trước đến cuối tháng 6 năm sau). Coteccons ghi nhận tổng doanh thu hơn 21.000 tỷ đồng, tăng gần 5.000 tỷ so với niên độ trước; lãi sau thuế 310 tỷ đồng, tăng 358% YoY và là mức cao nhất trong 4 năm.
- **HVN:** Theo thông tin từ Vietnam Airlines, tổng kết 9 tháng đầu năm, Vietnam Airlines đã thực hiện 106,4 nghìn chuyến bay an toàn. Vận chuyển hành khách đạt 17,2 triệu lượt, tăng 8,9% so cùng kỳ 2023; Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện đạt gần 226 nghìn tấn, tăng 42% so cùng kỳ 2023.
- **HPG:** Sáng 7/10, CTCP Tập đoàn Hòa Phát tiếp tục thông báo điều chỉnh tăng giá bán thép, bởi giá phôi thép và nguyên vật liệu đầu vào đang tăng trở lại. Cụ thể, thép cây tăng 100.000 đồng/tấn và thép cuộn tăng 100.000 đồng/tấn.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.641,08	-0,06	28,02
Dầu WTI	76,67	-0,61	7,01
Dầu Brent	80,41	-0,64	4,37
Than	148,50	0,20	1,43
Đồng	9929,50	-0,14	16,01
Quặng sắt	110,09	1,21	-20,18
Thép	542,00	3,63	-4,01

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	102,391	-0,14	1,04
USD/JPY	147,87	0,21	-4,62
USD/CNY	7,0568	-0,54	0,61
EUR/USD	1,0984	0,07	-0,50
GBP/USD	1,3098	0,11	2,88

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,00%	07/11/2024	-0,50
ECB	3,65%	17/10/2024	-0,25
BOE	5,00%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	31/10/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VPB	516,33	20.000	0,00
HPG	328,62	26.400	0,76
TPB	290,93	17.500	1,45
STB	497,68	33.800	2,11
TCB	310,10	24.150	0,42

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.196,40	92.000	-0,33
BID	279.606,38	49.050	-0,30
FPT	195.846,09	134.100	0,00
CTG	192.245,70	35.800	0,56
VHM	179.399,94	41.200	-0,72

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

BID**Khuyến nghị****MUA****Giá hiện tại****49.050****Giá mục tiêu****53.500****Tiềm năng tăng giá****10,31%****Vùng giải ngân****47.000-48.500****Ngưỡng cắt lỗ****<46.000****THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**

- Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận trước thuế quý II/2024 của BID đạt 8.159 tỷ đồng, tăng 17,4% so với quý 2/2023. Luỹ kế 6 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 15.549 tỷ đồng, tăng 12,1%. Theo đó, BID đứng thứ 3 về lợi nhuận, sau TCB (hơn 15.600 tỷ) và VCB (hơn 20.800 tỷ).
- Hầu hết các mảng kinh doanh của BID đều có kết quả khả quan. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng 3,3%, đạt hơn 28.300 tỷ đồng. Lãi từ hoạt động dịch vụ tăng 13,8%, đạt hơn 3.600 tỷ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- BID vẫn duy trì được kênh tăng giá với đáy sau cao hơn đáy trước. Nhịp điều chỉnh hiện tại là cơ hội để Nhà đầu tư có thể canh giải ngân dần với vùng dự kiến 47.000-48.500 đồng/cp, tăng tỷ trọng nếu cổ phiếu vượt lên trên vùng 50.200 đồng, điểm Stoploss <46.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	69.243	72.761	20.134
LNTT (tỷ đ)	22.923	27.589	8.159
LNST (tỷ đ)	18.349	21.977	6.528
Nợ/VCSH (%)	383	229	0
ROE (%)	16,86	17,39	19,06
ROA (%)	0,93	0,97	0,98
EPS (VNĐ)	2.699	3.314	3.998
P/E (lần)	12,7	13,1	12,27
P/B (lần)	1,96	2,10	2,16

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU**Chỉ báo kỹ thuật**

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	NEUTRAL	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	49,45	NEUTRAL	
MACD (12,26)	0,26	BUY	
ADX (14)	20,04	NEUTRAL	
SMA5	49.450	SELL	
SMA20	49.110	SELL	
SMA50	48.460	BUY	
SMA100	47.800	BUY	
SMA200	48.460	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GVR	Nắm giữ	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5			0,87%
2	DBC	Nắm giữ	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27			2,83%
3	NLG	Nắm giữ	39-40,3	4/9/2024	40,3	45,3	38,8			0,00%
4	DCM	Nắm giữ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2			1,76%
5	MWG	Nắm giữ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8			1,22%
6	NKG	Nắm giữ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20			3,57%
7	PLX	Mua	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8			-0,88%
8	PVT	Mua	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6			0,53%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PVD	Chốt lời	29-30	23/4/2024	30	33,8	28,8	22/5/2024	33,2	10,67%
2	VHC	Cơ cấu	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71	27/5/2024	73	-1,35%
3	CTD	Chốt lời	69,5-71,6	22/5/2024	71,6	79,6	68	28/5/2024	75,2	5,85%
4	NKG	Cơ cấu	23,9-24,3	24/5/2024	24,3	27,3	23,6	30/5/2024	24,75	1,85%
5	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
6	VSC	Cắt lỗ	21-21,7	6/6/2024	21,7	24,3	20,7	17/7/2024	20,7	-4,61%
7	PHR	Cắt lỗ	60-61,5	6/6/2024	61	68,1	58	17/7/2024	58	-4,92%
8	MSN	Cắt lỗ	74,2-76,2	17/6/2024	76,2	86,3	72,5	17/7/2024	72,5	-4,86%
9	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
10	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
11	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
12	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
13	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
14	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
15	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI: 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đuối 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Cá thể DCA về 61-62)	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị,

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (tỷ kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 0% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room